

CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 359 /BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Văn Quan)

STT	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư được duyệt	TDT được duyệt	Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước	Kế hoạch vốn DT được giao năm 2024
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	877.026	877.026	291.270	184.644
A	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH	51.975	51.975	10.719	1.281
	Vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí				
*	Ngành, lĩnh vực Văn hóa - Xã hội	51.975	51.975	10.719	1.281
I	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023				
a	Dự án chuyển tiếp				
1	Hỗ trợ GPMB dự án Mở rộng khuôn viên trường đại học Lương Văn Tri, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	51.975	51.975	10.719	1.281
B	VỐN NGHỊ QUYẾT 16/2021/NQ-HĐND PHÂN CẤP CHO HUYỆN QUẢN LÝ	52.505	52.505	7.500,0	9.963
I	Lĩnh vực quản lý nhà nước				
b	Dự án chuyển tiếp				
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Trấn Ninh	2.381	2.381	500	868
c	Dự án khởi công mới 2024				
1	Xây dựng Trụ sở UBND Thị trấn Văn Quan	6.000	6.000	-	1.000
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Tri Lễ	2.816	2.816	1.800	700
II	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				
(a)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023				
1	Nhà lớp học bộ môn Trường tiểu học I thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	7.420	7.420	900	700
2	Nhà lớp học bộ môn Trường TH&THCS Khánh Khê, huyện Văn Quan	8.289	8.289	500	1.121
(b)	Dự án chuyển tiếp				
1	Nhà đa năng Trường Tiểu học I thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	3.806	3.806	500	1.100
III	Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội				
(b)	Dự án chuyển tiếp				
1	Nhà luyện tập và thi đấu thể thao huyện Văn Quan	4.297	4.297	300	1.100
IV	Hỗ trợ xi măng GTNT; Xi măng thủy lợi nhỏ				
1	Hỗ trợ xi măng đường giao thông nông thôn	15.996	15.996	2.500	3.074
2	Xi măng làm thủy lợi nhỏ	1.500	1.500	500	300
C	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	194.129	194.129	7.500	4.728
I	Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội				
b	Dự án chuyển tiếp				
1	Mở rộng khuôn viên trường đại học Lương Văn Tri, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	51.975,0	51.975	531,0	500
2	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ huyện Văn Quan	12.023,0	12.023	-	500
II	Ngành, lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư				
b	Dự án chuyển tiếp				
1	Khu dân cư Chợ Bãi, xã Yên Phúc	74.810,0	74.810	970,0	500
2	Khu dân cư phố Diêm He, xã Diêm He	37.548,2	37.548	520,0	500
III	Lĩnh vực quản lý nhà nước				
c	Dự án khởi công mới 2024				
1	Xây dựng Trụ sở Khối Dân vận huyện Văn Quan	4.677,6	4.678	200,0	728
IV	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				
a	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023				
1	Nhà lớp học bộ môn Trường TH&THCS Khánh Khê, huyện Văn Quan	8.289,3	8.289	4.600,0	850
b	Dự án chuyển tiếp				
1	Nhà đa năng Trường Tiểu học I thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	3.806,0	3.806	679,0	850
V	Nội dung khác				
a	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng				
1	Kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng trụ sở công an xã	1.000,0	1.000	-	300
D	VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG	462.033	462.033	206.557	134.534
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTTS VÀ MIỀN NÚI	149.619	149.619	54.488	54.940
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	33.704	33.704	10.971	6.973
I.1	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	33.704	33.704	10.971	6.973
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	80.390	80.390	27.741	38.358
II.1	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.	69.532	69.532	27.741	33.558
a	Lĩnh vực Giao thông	47.700	47.700	23.942	19.770
*	Dự án hoàn thành trước 31/12/2023				
1	BTXM tuyến đường thôn Bán Cườm - Nà Dài, xã Bình Phúc	3.492	3.492	2.117	110
2	Cầu Nà Lốc xã Đồng Giáp	2.867	2.867	2.496	130
*	Dự án chuyển tiếp				
1	Đường Khôn Hâu - Lũng Liu, xã Hòa Bình	7.410	7.410	5.000	2.300
2	Đường BTXM Khôn Hâu - Hà Quảng, xã Hòa Bình	7.372	7.372	5.682	1.600
3	Đường BTXM Nà Vàng - Nà Thâm, thôn Nà Thương, xã Hòa Bình	3.451	3.451	2.556	800
4	Đường BTXM Cồn Nà - Lũng Tàu, xã An Sơn	4.520	4.520	3.091	1.350
5	Đường BTXM Nà Tền - Nà Pài, xã An Sơn	4.112	4.112	3.000	1.000
*	Khởi công mới năm 2024	14.476	14.476	-	12.480
4	Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã đặc biệt khó khăn thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBĐTTS và MN năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162: 05 dự án	1.196	1.196	-	-
b	Lĩnh vực Thủy lợi	3.000	3.000	-	2.400
	Khởi công mới năm 2024	3.000	3.000	-	2.400
c	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	15.832	15.832	3.799	8.888
*	Dự án hoàn thành trước 31/12/2023				
1	Cải tạo phòng học điểm trường TH & THCS xã Liên Hội	2.136	2.136	1.799	188
*	Dự án chuyển tiếp				
1	Nhà đa năng Trường Tiểu học và THCS Khánh Khê	3.796	3.796	2.000	1.700
*	Khởi công mới năm 2024	9.900	9.900	-	7.000
d	Lĩnh vực Y tế	3.000	3.000	-	2.500
*	Khởi công mới năm 2024	3.000	3.000	-	2.500
II.2	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	10.858	10.858	-	4.800
	Khởi công mới năm 2024	10.858	10.858	-	4.800
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	35.225	35.225	15.776	9.458
*	Dự án hoàn thành trước 31/12/2023				
1	Xây dựng 04 phòng bộ môn Trường PTDTBT TH&THCS xã Liên Hội	4.032	4.032	3.823	209
2	Cải tạo khu hành chính, xây dựng phòng học và các phòng bộ môn Trường PTDTBT Tiểu học 2 xã Tri Lễ	8.787	8.787	6.065	1.268
*	Dự án chuyển tiếp				
1	Xây dựng nhà hành chính, phòng bộ môn Trường PTDTBT Tiểu học Tri Lễ	5.604	5.604	1.316	2.800
2	Xây dựng nhà hành chính, phòng bộ môn trường PTDTBT Tiểu học Đồng Giáp	6.925	6.925	2.072	2.500
3	Xây dựng Nhà hành chính, phòng bộ môn trường PTDTBT Tiểu học và THCS Hòa Bình	9.877	9.877	2.500	2.681
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	300	300	-	151
*	Khởi công mới năm 2024	-	-	-	-
1	Nâng cấp NVH thôn Phú Huế, xã Trấn Ninh	140	140	-	70
2	Nhà văn hóa thôn Khau Ngòi	160	160	-	81
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	250.890	250.890	117.478	74.143

I	Danh mục vốn trung ương giao đầu giai đoạn (Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh)	250.890	250.890	117.478	74.143
I.1	Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	135.943	135.943	55.277	59.864
a	Lĩnh vực Giao thông	56.967	56.967	28.058	22.100
*	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2023</i>	-	-	-	-
1	Đường Lương Năng - Tri Lễ - Hữu Lễ, hạng mục mặt đường từ Km4-Km12	13.147	13.147	12.000	800
2	Đường từ thôn Nà Lốc ra cầu treo Tân Thanh, xã Tú Xuyên, huyện Văn Quan	10.610	10.610	8.800	1.500
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	-	-	-	-
1	Cầu Pác Cáp, xã Bình Phúc	2.846	2.846	900	1.900
2	Mở mới nền đường Nà Thòa - Quang Bí, xã An Sơn	4.996	4.996	3.000	1.900
3	Đường BTXM Phiến Mầu, xã An Sơn - Kho kỹ thuật quân sự, huyện Văn Quan	7.506	7.506	3.358	4.000
*	Khởi công mới năm 2024	17.862	17.862	-	12.000
4	Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã đặc biệt khó khăn thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162: 07 dự án	2.762	2.762	-	-
b	Lĩnh vực Thủy lợi	8.793	8.793	4.006	3.800
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	-	-	-	-
1	Đập Vằng Dìn, xã Tri Lễ	3.218	3.218	2.000	1.000
2	Trạm bơm Lũng An, thôn Đèo Luông, xã Tri Lễ	3.575	3.575	2.006	1.300
*	Khởi công mới năm 2024	2.000	2.000	-	1.500
c	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	48.423	48.423	19.513	20.250
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	-	-	-	-
1	Xây dựng nhà hành chính Trường Mầm non 2 Tri Lễ	3.885	3.885	3.388	450
2	Nhà hành chính, phòng chức năng Trường Mầm non Đông Giáp	5.262	5.262	2.300	2.700
3	Xây dựng các phòng bộ môn Trường Tiểu học 2 thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	5.117	5.117	4.500	500
4	Xây dựng phòng học và các phòng bộ môn Trường Trung học cơ sở thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	6.548	6.548	5.525	850
5	Cải tạo, nâng cấp phòng học và phòng chức năng Trường mầm non 1 Diêm He, xã Diêm He, huyện Văn Quan	6.305	6.305	3.800	2.250
*	Khởi công mới năm 2024	21.306	21.306	-	13.500
d	Lĩnh vực Văn hóa xã hội	17.906	17.906	3.700	10.714
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	-	-	-	-
1	Nhà văn hóa xã Diêm He	4.206	4.206	3.700	400
*	Khởi công mới năm 2024	13.700	13.700	-	10.314
e	Lĩnh vực Y tế	3.854	3.854	-	3.000
*	Khởi công mới năm 2024	-	-	-	-
1	Trạm Y tế xã Tri Lễ	3.854	3.854	-	3.000
I.2	Tiểu Dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 -2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	114.947	114.947	62.201	14.279
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	-	-	-	-
1	Cầu Pác Láng, xã Diêm He	20.935	20.935	17.789	1.500
2	Xây dựng các tuyến nhánh từ cầu Đức Hình - QL.279	49.976	49.976	23.512	2.279
3	Xây dựng cầu + đường bê tông xi măng Tân Thanh 2 - Thanh Xuân, thị trấn Văn Quan	14.263	14.263	10.300	1.000
4	Nâng cấp cải tạo đường DH.58 (Ba Xã - Chợ Bãi)	14.773	14.773	10.300	500
*	Khởi công mới năm 2024	15.000	15.000	300	9.000
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	61.524	61.524	34.591	5.451
	Dự án Thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	61.524	61.524	34.591	5.451
I	Danh mục vốn trung ương giao đầu giai đoạn (Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh)	61.524	61.524	34.591	5.451
a	Lĩnh vực Giao thông	23.176	23.176	3.557	3.384
*	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2023</i>	-	-	-	-
1	Đường liên thôn Bản Lái - Nà Bung, xã Diêm He	5.482	5.482	3.557	384
*	Khởi công mới năm 2024	17.694	17.694	-	3.000
4	Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã nông thôn mới thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162 (05 Dự án)	3.994	3.994	-	-
b	Lĩnh vực Thủy lợi	9.154	9.154	4.938	1.923
*	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2023</i>	-	-	-	-
3	Xây dựng Trạm bơm Pò Diêm, thôn Nà Lốc, xã Tú Xuyên	2.890	2.890	2.136	320
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	-	-	-	-
1	Xây Trạm bơm Nà Nam, thôn Thanh Đông, xã Tú Xuyên	3.764	3.764	2.802	397
*	Khởi công mới năm 2024	2.500	2.500	-	1.206
c	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	29.193	29.193	26.096	144
*	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2023</i>	-	-	-	-
1	Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng Trường Tiểu học - THCS Diêm He	4.417	4.417	3.755	-
2	Xây dựng phòng giáo dục thể chất - nghệ thuật, phòng tin học, phòng đa năng Trường Mầm non Yên Phúc	2.192	2.192	1.863	-
3	Xây dựng các phòng bộ môn Trường Tiểu học Yên Phúc	2.383	2.383	2.142	-
4	Xây dựng các phòng bộ môn, phòng họp, phòng nghỉ giáo viên Trường THCS Yên Phúc	5.160	5.160	4.780	-
5	Xây dựng 12 phòng học khối Tiểu học Trường TH&THCS xã Tân Đoàn	8.075	8.075	7.343	144
6	Xây dựng các phòng chức năng và hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Tú Xuyên	4.541	4.541	4.089	-
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	-	-	-	-
1	Xây dựng phòng học tập, phòng bộ môn, phòng phụ trợ Trường PTDTBT Tiểu học Nà Lốc Tú Xuyên	2.425	2.425	2.125	-
II	Danh mục vốn Ngân sách tỉnh (được bổ sung theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh)	32.629	32.629	-	15.138
II.1	Vốn Ngân sách tỉnh cân đối theo tiêu chí	13.390	13.390	-	3.138
a	Lĩnh vực Giao thông	13.390	13.390	-	3.138
*	Khởi công mới năm 2024	13.390	13.390	-	3.138
II.2	Vốn thu từ sử dụng đất	19.239	19.239	-	12.000
c	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	19.239	19.239	-	12.000
*	Khởi công mới năm 2024	19.239	19.239	-	12.000
G	VỐN HỖ TRỢ CỐ MỤC TIỂU HẠ TẦNG CƠ SỞ CÁC HUYỆN NGHÈO NĂM 2024	81.398	81.398	48.605	14.000
I	Đối ứng các Chương trình MTQG	63.233	63.233	44.457	6.144
1	Hỗ trợ đối ứng Nội dung số 02 (Hỗ trợ nhà ở), thuộc Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTSMN năm 2024	6.973	6.973	-	698
2	Cải tạo khu hành chính, xây dựng phòng học và các phòng bộ môn Trường PTDT bán trú Tiểu học 2 xã Tri Lễ	8.787	8.787	6.065,0	1.232
3	Cải tạo, nâng cấp phòng học và phòng chức năng Trường mầm non 1 Diêm He, xã Diêm He, huyện Văn Quan	6.305	6.305	3.800,0	255
4	Đường liên thôn Bản Lái - Nà Bung, xã Diêm He	5.482	5.482	3.557,0	1.000
5	Xây dựng Trạm bơm Pò Diêm, thôn Nà Lốc, xã Tú Xuyên	2.890	2.890	2.136,0	300
6	Xây Trạm bơm Nà Nam, thôn Thanh Đông, xã Tú Xuyên	3.764	3.764	2.802,0	400
7	Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng Trường Tiểu học - THCS Diêm He	4.417	4.417	3.755,0	400
8	Xây dựng phòng giáo dục thể chất - nghệ thuật, phòng tin học, phòng đa năng Trường Mầm non Yên Phúc	2.086	2.086	1.863,0	223
9	Xây dựng các phòng bộ môn Trường Tiểu học Yên Phúc	2.327	2.327	2.142,0	186
10	Xây dựng các phòng bộ môn, phòng họp, phòng nghỉ giáo viên Trường THCS Yên Phúc	5.160	5.160	4.780,0	300
11	Xây dựng 12 phòng học khối Tiểu học Trường TH&THCS xã Tân Đoàn	8.075	8.075	7.343,0	550
12	Xây dựng các phòng chức năng và hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Tú Xuyên	4.541	4.541	4.089,0	400

1.2	ĐH.51 đường Đò Kê - Bàn Hương, xã Liên Trì, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn hạng mục: Bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa lề đường và rãnh thoát nước	1.884	1.883,737	1.030,000	854,000
1.3	ĐH.59 đường Bàn Giêng – Đèo Cú Sấm, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn hạng mục: Bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa lề và rãnh thoát nước	2.154	2.153,600	1.030,000	100,000
1.4	Quy hoạch chi tiết thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	1.600	1.600,000	500,000	500,000
2	Thực hiện năm 2024	5.000	5.000,000	-	4.134,300
2.1	Hỗ trợ ống công tròn các loại	300	300,000		300,000
2.2	Hỗ trợ sắt thép làm mặt cầu, cống bán trên đường GTNT	200	200,000		200,000
2.3	Cải tạo, nâng cấp mặt đường Đường Bàn Hèo - Phiêng Láy, xã Trấn Ninh, huyện Văn Quan (Đoạn Km0-Km1+400)	3.000	3.000,000		2.134,300
2.4	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Văn Quan	1.500	1.500,000		1.500,000

Đổi ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM

Hoàn thành

Đổi ứng CT MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS & MN

- ND đóng góp 60 triệu đồng
- ND đóng góp 60 triệu đồng
- ND đóng góp 60 triệu đồng
- ND đóng góp 60 triệu đồng
- ND đóng góp 138 triệu đồng

Đổi ứng CT MTQG GNBV

- ND đóng góp 40 triệu đồng
- ND đóng góp 141 triệu đồng
- ND đóng góp 90 triệu đồng
- ND đóng góp 135 triệu đồng
- ND đóng góp 50 triệu đồng
- ND đóng góp 200 triệu đồng
- ND đóng góp 155 triệu đồng

Đổi ứng CT MTQG XDNTM

Nguồn vốn khác xã hội hóa. Thực hiện theo cơ chế đặc thù các CTMTQG

Nguồn vốn khác xã hội hóa. Thực hiện theo cơ chế đặc thù các CTMTQG

- ND đóng góp 117 triệu đồng.
- ND đóng góp 100 triệu đồng
- ND đóng góp 110 triệu đồng

Lồng ghép nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách huyện

